

Bản án số: 139/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 8 - 2021

V/v chị D xin ly hôn anh H

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Khang

2. Bà Dương Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D - Sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Trang Túc, xã N, huyện N, tỉnh N

+ Bị đơn: Anh Vũ Văn H - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Trang Túc, xã N, huyện N, tỉnh N

Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 11/3/2021 cũng như lời khai chị Vũ Thị D trong quá trình giải quyết trình bày trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Văn H vào tháng 9/2013, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống. Hai bên

gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không được cải thiện. Từ tháng 3/2020 đến nay chị và anh H đã sống ly tH nhau. Tháng 11/2020 chị có đơn xin ly hôn anh H nhưng sau đó chị đã rút đơn để anh H khắc phục thiếu sót nhưng anh H không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên chị xin được ly hôn anh Vũ Văn H. Về con chung giữa chị anh Vũ Văn H có ba con chung là Vũ Anh T sinh ngày 03/05/2015, Vũ Ngọc Gia H sinh ngày 07/12/2017 và Vũ Quang Kh sinh ngày 03/02/2020. Hiện nay cháu T đang do anh H nuôi dưỡng, còn cháu Kh và cháu H đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và cháu H còn cháu T để anh H nuôi dưỡng và chị có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng tốt các con nên chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung giữa chị và anh Vũ Văn H thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh Vũ Văn H vắng mặt nhưng có lời khai của ông Vũ Quốc Th là bố đẻ anh H trình bày đúng như lời khai của chị Vũ Thị D về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh H và chị D. Sau khi kết hôn, anh H và chị D chung sống hoà thuận và đã có ba con chung là Vũ Anh T sinh ngày 03/5/2015, Vũ Ngọc Gia H sinh ngày 07/12/2017 và Vũ Quang Kh sinh ngày 03/02/2020. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị D phát sinh là do hai bên không hòa hợp nhau về quan điểm, lối sống. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị D không được cải thiện và từ năm 2020 đến nay anh H và chị D sống ly tH nhau. Nay chị D xin ly hôn anh H và Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H vắng mặt nên ông nhận thay và đã thông báo, giao lại đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H. Do anh H bận công việc không đến Tòa án để giải quyết vụ án được nên anh H nhờ ông trình bày với Tòa án là đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nH và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Vũ Văn H. Về con chung: Giao cháu Vũ Quang Kh sinh ngày 03/02/2020, cháu Vũ Ngọc Gia H sinh ngày 07/12/2017 và cháu Vũ Anh T sinh ngày 03/05/2015 cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án tuyên chị Vũ Thị D phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị D và anh Vũ Văn H đều cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N Nay chị D xin ly hôn anh H và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh Vũ Văn H vắng mặt nhưng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H và tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho anh H, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Vũ Thị D và anh Vũ Văn H được tổ chức kết hôn vào tháng 9/2013, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị D và anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh H không được cải thiện. Từ tháng 3/2020 đến nay chị D và anh H sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh H đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị D xin được ly hôn anh H nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị D và anh Vũ Văn H có ba con chung là Vũ Anh T sinh ngày 03/5/2015, Vũ Ngọc Gia H sinh ngày 07/12/2017 và Vũ Quang Kh sinh ngày 03/02/2020. Hiện cháu Kh và cháu H đang do chị D nuôi dưỡng còn cháu T đang do anh H nuôi dưỡng. Nay chị D đề nghị giải quyết chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và cháu H còn cháu T để anh H nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, phía anh H không có ý kiến gì về việc giải quyết nuôi dưỡng các con chung nên chấp nhận yêu cầu của chị D là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị Vũ Thị D và anh Vũ Văn H không ý kiến hay yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Vũ Thị D phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nH và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271; 273 Bộ luật Tổ tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Vũ Văn H.

2- Về con chung: Giao cháu Vũ Quang Kh sinh ngày 03/02/2020 và cháu Vũ Ngọc Gia H sinh ngày 07/12/2017 cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Anh T sinh ngày 03/05/2015 cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. (hiện cháu Vũ Quang Kh và cháu Vũ Ngọc Gia H đang do chị Vũ Thị D nuôi dưỡng, cháu Vũ Anh T đang do anh Vũ Văn H nuôi dưỡng). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí: Chị Vũ Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Vũ Thị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0001899 ngày 11/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Vũ Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị D, vắng mặt anh H. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKS huyện N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng